

KIẾN THỨC, NHU CẦU ĐÀO TẠO SƠ CẤP CỨU BAN ĐẦU CỦA SINH VIÊN NGÀNH DU LỊCH TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG NĂM 2025

Phạm Văn Hiệu*✉

Vũ Dũng*

Phạm Quốc Hùng**

Nhận bài: 18/12/2025; Nhận kết quả bình duyệt: 26/02/2026; Chấp nhận đăng: 15/03/2026

©2026 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Ngành du lịch Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ, kéo theo những thách thức về an toàn cho du khách. Hướng dẫn viên du lịch thường là người đầu tiên tiếp cận hiện trường tai nạn, do đó năng lực sơ, cấp cứu ban đầu (SCCBĐ) là vô cùng thiết yếu. **Mục tiêu:** Mô tả kiến thức về sơ, cấp cứu ban đầu của sinh viên du lịch tại Trường Đại học Thăng long năm 2025, tìm hiểu nhu cầu đào tạo về sơ, cấp cứu ban đầu của nhóm sinh viên trên. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 320 sinh viên hệ chính quy từ tháng 03/2025 đến tháng 07/2025. **Kết quả:** Tỷ lệ sinh viên có kiến thức về sơ, cấp cứu ban đầu đạt yêu cầu là 84,7%, tuy nhiên kiến thức về các kỹ năng sinh tồn như hồi sức tim phổi (CPR) chỉ đạt 23,1%. Nhu cầu đào tạo rất cao (98,4%), nhưng thực tế chỉ có 29,4% từng được tham gia tập huấn. **Kết luận:** Sinh viên có nhu cầu đào tạo lớn, nhưng kỹ năng thực hành chuyên sâu còn yếu. Cần tăng cường đào tạo thực hành và diễn tập thực tế.

Từ khóa: Sơ cấp cứu ban đầu, sinh viên du lịch, kiến thức, nhu cầu đào tạo

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tai nạn thương tích (TNTT) là một vấn đề sức khỏe toàn cầu nghiêm trọng. Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), mỗi năm có khoảng 1,35 triệu người tử vong do tai nạn giao thông. Tại Việt Nam, trung bình mỗi ngày có khoảng hơn 80 người tử vong do TNTT, chiếm 7% tổng số tử vong do mọi nguyên nhân [1].

*Trường Đại học Thăng Long, ✉hieutruong17072003@gmail.com

**Trạm Y tế phường Vĩnh Tuy

Trong bối cảnh đó, ngành du lịch Việt Nam đang chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ với dự báo đón khoảng 25 triệu lượt khách quốc tế vào năm 2025. Sự gia tăng lượng khách du lịch kéo theo những thách thức về an toàn. Người làm du lịch không chỉ là người đồng hành mà còn là người đầu tiên ứng phó với các tình huống khẩn cấp trước khi có sự hỗ trợ y tế chuyên nghiệp. Sơ, cấp cứu ban đầu (SCCBĐ) tốt không chỉ giúp cứu sống nạn nhân mà còn giảm thiểu biến chứng và chi phí điều trị. Tuy nhiên, thực tế cho thấy kỹ năng này chưa được quan tâm đúng mức trong một số nhóm đối tượng. Tại Trường Đại học Thăng Long, chưa có nghiên cứu cụ thể nào về năng lực SCCBĐ của sinh viên Khoa Du lịch. Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực SCCBĐ cho sinh viên.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên hệ chính quy Khoa Du lịch, Trường Đại học Thăng Long (các khóa QT34-37, QR34-37).

Tiêu chuẩn lựa chọn: Sinh viên đang học tập tại trường và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên đã thôi học, nghỉ học hoặc bảo lưu trong thời gian thu thập số liệu.

2. Thời gian, địa điểm nghiên cứu

Trường Đại học Thăng Long. Thời gian: Từ tháng 03 năm 2025 đến tháng 07 năm 2025.

3. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu nghiên cứu: Cỡ mẫu được tính theo công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p \cdot (1-p)}{d^2}$$

n: Là cỡ mẫu nghiên cứu – số ĐTNC tối thiểu

Z: hệ số tin cậy, với mức ý nghĩa

p: Chọn 0,274 (Tỷ lệ kiến thức SCCBĐ đạt trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Khánh Linh và các cộng sự (2019) tại các Trường Đại học trên Thành phố Đà Nẵng) [5].

d: 0,05 hệ số tin cậy $z = 1,96$

Từ công thức trên tính được $n=303$. Dự phòng thêm 5%. Cỡ mẫu của nghiên cứu này là 320 sinh viên. Sau khi thu thập và làm sạch số liệu có 320 phiếu điều tra

đủ điều kiện sử dụng để phân tích dữ liệu. Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện, phát vấn trực tiếp tại giảng đường và kiểm soát việc các sinh viên có thể trao đổi làm ảnh hưởng kết quả đánh giá kiến thức của sinh viên về sơ cấp cứu ban đầu.

4. Công cụ thu thập số liệu và tiêu chí đánh giá:

Công cụ: Bộ công cụ nghiên cứu gồm 3 phần. Phần A gồm 15 câu hỏi thu thập thông tin chung về đối tượng nghiên cứu. Phần B gồm 16 câu hỏi đánh giá kiến thức về sơ cứu cấp cứu ban đầu kế thừa từ bộ công cụ trong nghiên cứu của Phạm Thị Thu Hiền [6] với độ tin cậy Cronback' Alpha = 0,715. Phần C gồm 7 câu hỏi đánh giá nhu cầu đào tạo về sơ cứu cấp cứu ban đầu.

Tiêu chí đánh giá các kết quả được trình bày như sau:

- Kiến thức chưa đạt khi các câu trả lời đúng < $\frac{1}{2}$ tổng số câu hỏi
- Kiến thức đạt nếu có các câu trả lời đúng $\geq \frac{1}{2}$ tổng số câu hỏi

5. Nhập và phân tích số liệu

Toàn bộ số liệu thu thập được nhập trên phần mềm Epidata 3.1; sử dụng SPSS để làm sạch và phân tích. Thống kê mô tả được sử dụng để mô tả đặc điểm chung, đặc điểm kiến thức và nhu cầu đào tạo.

6. Biến số, chỉ số nghiên cứu

Đặc điểm của ĐTNC: Nhân khẩu học (Tuổi, giới, dân tộc, năm đào tạo, ngành học, hộ khẩu, điểm trung bình tích lũy, đã đi thực tập chưa, từng nghe về SCCBĐ chưa). Nhóm biến số kiến thức: Số điện thoại cấp cứu, định nghĩa SCCBĐ, mục đích SCCBĐ, nguyên tắc SCCBĐ, kiến thức về hồi sức tim phổi, kiến thức sơ cứu về cầm máu, kiến thức sơ cứu gãy xương, kiến thức sơ cứu khi bị rấn cắn, kiến thức sơ cứu chảy máu, kiến thức sơ cứu đuối nước, kiến thức sơ cứu điện giật, sơ cứu bỏng, sơ cứu ngất xỉu, sơ cứu hóc thức ăn, sơ cứu bong gân, sơ cứu chảy máu cam, sơ cứu co giật. Nhóm biến số nhu cầu: Nhu cầu tìm hiểu về SCCBĐ, nhu cầu tổ chức các hoạt động ngoại khóa, nhu cầu đưa SCCBĐ vào môn học, những khó khăn cản trở trong việc tìm hiểu về CSSKBĐ, hình thức đào tạo về SCCBĐ.

7. Sai số và biện pháp khắc phục

Sai số ngẫu nhiên: do nghiên cứu viên giải thích chưa rõ câu hỏi hoặc ĐTNC chọn nhầm câu trả lời. Sai số do nhập liệu và mã hóa: Mã hóa sai hoặc nhầm lẫn trong quá trình nhập dữ liệu.

8. Đạo đức nghiên cứu

Tất cả đối tượng tham gia nghiên cứu trên cơ sở tự nguyện. Quá trình thu thập số liệu được sự cho phép của nhà trường. Các thông tin của ĐTNC được giữ bí mật. Kết quả của nghiên cứu chỉ nhằm mục đích phục vụ nghiên cứu khoa học.

III. KẾT QUẢ

1.1.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1. Đặc điểm nhân khẩu học và học tập của đối tượng nghiên cứu (n=320)

Biến số		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới	Nam	48	15
	Nữ	272	85
Tuổi	≤ 20 tuổi	232	72,5
	>20 tuổi	88	27,5
	Trung bình (±SD)	19,9 (±1,5)	
Dân tộc	Kinh	303	94,7
	DTTS	17	5,3
Hộ khẩu	Thành thị	168	52,5
	Nông thôn	152	47,5
Sinh viên năm thứ	Nhất	108	33,8
	Hai	100	31,2
	Ba	52	16,2
	Bốn	60	18,8
Ngành học	Quản trị khách sạn	109	34,1
	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	211	65,9
Điểm trung bình	≥7.0	303	94,7
	<7.0	17	5,3
	Trung bình (±SD)	7,69 (±0,51)	
Đã đi thực hành, làm thêm	Có	168	52,5
	Không	152	47,5

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên nữ (85%) và 32 nam (15%); Độ tuổi dưới 20 chiếm 72,5%; Hầu hết là dân tộc kinh, chiếm 94,7% và ở thành thị (52,5%). Tỷ lệ sinh viên năm thứ nhất cao hơn cả, chiếm 33,8%; ngành học Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành chiếm 65,9%; Hầu hết sinh viên có điểm trung bình ≥7.0, chiếm 94,7% và sinh viên đã đi thực hành, làm thêm chiếm 52,5%.

1.1.2 Kiến thức đào tạo sơ, cấp cứu ban đầu của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1. Điểm trung bình kiến thức chung về sơ, cấp cứu ban đầu của đối tượng nghiên cứu (n=320)

Nhóm kiến thức chung	Đạt		Chưa đạt	
	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Biết số điện thoại cấp cứu	275	85,9	45	14,1
Khái niệm sơ, cấp cứu ban đầu	180	56,2	140	43,8
Mục đích của sơ cấp cứu ban đầu	309	96,6	11	3,4

Nguyên tắc của sơ cấp cứu ban đầu	297	92,8	23	7,2
-----------------------------------	-----	------	----	-----

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên trả lời đạt cao trong đa số các chủ đề mục đích của sơ, cấp cứu ban đầu 96,6% và nguyên tắc của sơ, cấp cứu ban đầu 92,8%

Bảng 3.2. Mức độ trả lời kiến thức theo các tình huống về sơ, cấp cứu ban đầu của đối tượng nghiên cứu (n=320)

Nội dung tình huống	Đạt		Chưa đạt	
	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Kiến thức về sơ cứu ngừng tuần hoàn	74	23,1	246	76,9
Xử trí rắn độc cắn	69	21,6	251	78,4
Sơ cứu chảy máu động mạch	299	93,4	21	6,6
Sơ cứu gãy xương	290	90,6	30	9,4
Sơ cứu đuối nước	175	54,7	145	45,3
Sơ cứu điện giật	204	63,8	116	36,2
Sơ cứu bỏng	237	74,1	83	25,9
Sơ cứu ngất xỉu	243	75,9	77	24,1
Sơ cứu hóc thức ăn	265	82,8	55	17,2
Sơ cứu bong gân	260	81,2	60	18,8
Sơ cứu chảy máu cam	174	54,4	146	45,6
Sơ cứu co giật	127	39,7	193	60,3

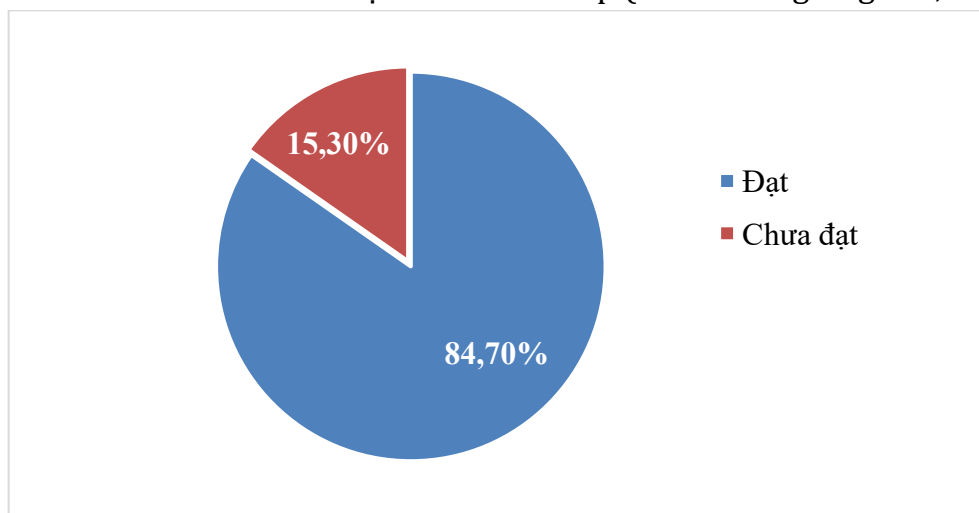
Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên trả lời đạt cao trong đa số các tình huống sơ cứu chảy máu động mạch: 93,4%; sơ cứu gãy xương: 90,6% và sơ cứu hóc thức ăn là 82,8%. Trong khi đó, tỷ lệ sinh viên không đạt cao đối với các kiến thức về sơ cứu ngừng tuần hoàn (76,9%), xử trí rắn độc cắn (78,4%) và sơ cứu co giật (60,3%).

Bảng 3.3. Điểm trung bình kiến thức chung về sơ, cấp cứu ban đầu của đối tượng nghiên cứu (n=320)

Nội dung tình huống	Trung bình (Thang 10 điểm)	±SD
Biết số điện thoại cấp cứu	8,6	3,48
Khái niệm sơ cấp cứu ban đầu	5,6	4,97
Mục đích của sơ cấp cứu ban đầu	7,5	1,65
Nguyên tắc của sơ cấp cứu ban đầu	8,1	1,67
Sơ cứu ngừng tuần hoàn	2,3	4,23
Xử trí rắn độc cắn	2,2	4,12
Sơ cứu chảy máu động mạch	8,0	1,94
Sơ cứu gãy xương	8,2	2,01
Sơ cứu đuối nước	6,8	1,73

Nội dung tình huống	Trung bình (Thang 10 điểm)	±SD
Sơ cứu điện giật	6,9	1,83
Sơ cứu bỏng	7,6	1,88
Sơ cứu ngất xỉu	7,6	4,28
Sơ cứu hóc thức ăn	8,3	3,78
Sơ cứu co giật	3,9	4,90
Sơ cứu bong gân	8,1	3,91
Sơ cứu chảy máu cam	5,4	4,99
Tổng	6,68	1,16

Nhận xét: Sinh viên trả lời điểm cao trong tình huống sơ cứu gãy xương - 8,2 điểm, sơ cứu hóc thức ăn - 8,3 điểm. Trong khi đó, các điểm về kiến thức sơ cứu ngừng tuần hoàn và xử trí rắn độc cắn là rất thấp (điểm tương ứng là 2,3 và 2,2).



Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ có kiến thức đạt và chưa đạt trong tổng số đối tượng nghiên cứu (n=320)

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt về SCCBĐ chiếm 84,7%. Trong khi đó, có 49 sinh viên có kiến thức chưa đạt về sơ cấp cứu ban đầu, chiếm tỷ lệ 15,3%.

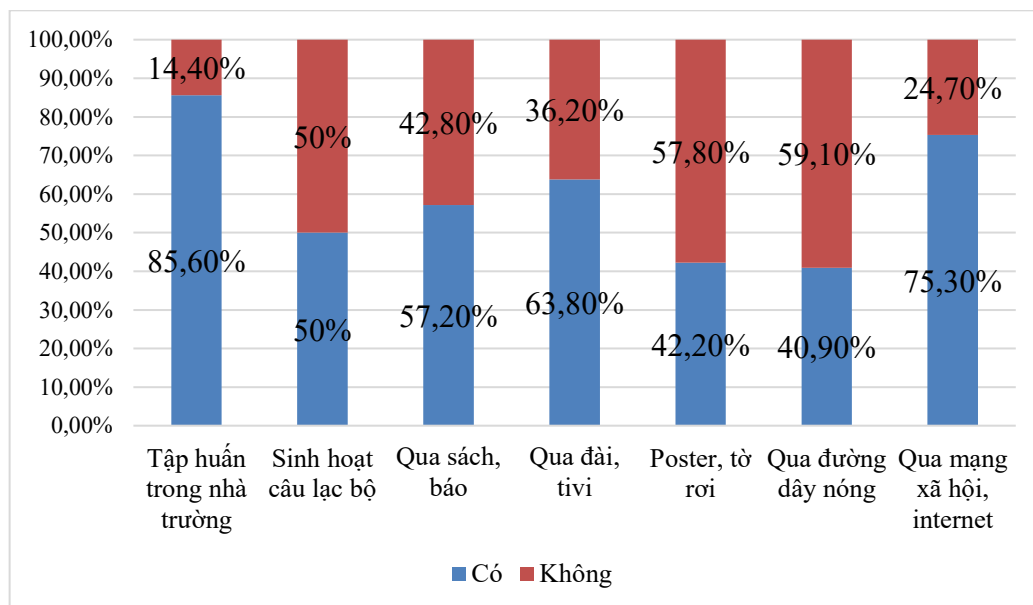
1.1.2 Nhu cầu đào tạo về sơ, cấp cứu ban đầu của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.4. Thông tin về nhu cầu đào tạo sơ, cấp cứu ban đầu của đối tượng nghiên cứu (n=320)

Nhu cầu đào tạo/tập huấn SCCBĐ		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Đã từng học về SCCBĐ	Đã tham gia	94	29,4
	Chưa tham gia	226	70,6
Nhận thấy sự cần thiết của SCCBĐ	Có	285	89,1
	Không	35	10,9
Nhu cầu về đào tạo/tập huấn	Có	315	98,4

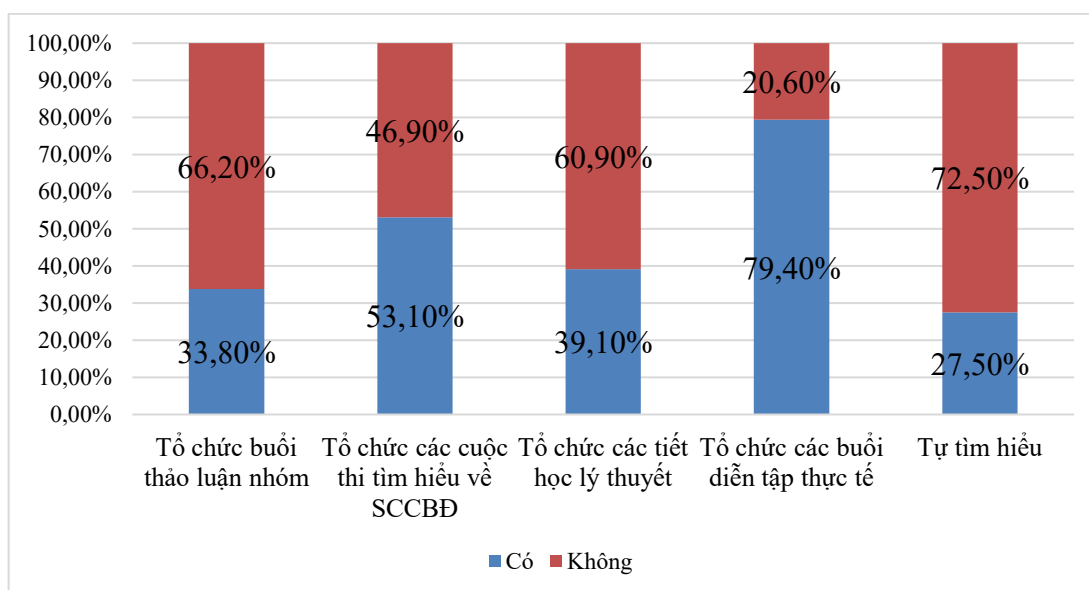
SCCBĐ	Không	5	1,6
-------	-------	---	-----

Nhận xét: Có 89,1% sinh viên nhận thấy sự cần thiết của SCCBĐ và 98,4% sinh viên có nhu cầu về đào tạo/ tập huấn SCCBĐ. Chỉ có 29,4% sinh viên đã từng học về SCCBĐ.



Biểu đồ 3.1. Các nội dung khuyến nghị đưa vào chương trình đào tạo của đối tượng nghiên cứu (n=320)

Nhận xét: Đa số các sinh viên cho rằng nên đưa các thông tin về SCCBĐ vào tập huấn trong nhà trường.



Biểu đồ 3.2. Nhu cầu về hình thức đào tạo của đối tượng nghiên cứu (n=320)

Nhận xét: Đa số sinh viên mong muốn được đào tạo về SCCBĐ theo hình thức buổi diễn tập thực tế.

IV. BÀN LUẬN

1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu ghi nhận tỷ lệ sinh viên đạt yêu cầu về kiến thức sơ, cấp cứu ban đầu (SCCBĐ) là 84,7%. Đây là một kết quả tích cực khi đặt trong bối cảnh so sánh với các nghiên cứu nội địa trước đó. Cụ thể, tỷ lệ này cao hơn đáng kể so với kết quả công bố của Mạc Đăng Tuấn (2015) [4] trên đối tượng sinh viên Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (43,3%) và nghiên cứu của Hoàng Trung Tiến (2023) [3] tại Đại học Yersin Đà Lạt (17,02%). Sự khác biệt rõ rệt này có thể được quy cho đặc thù chương trình đào tạo tại Khoa Du lịch, Trường Đại học Thăng Long, nơi sinh viên được định hướng tiếp cận thực tiễn từ sớm và sở hữu nhận thức nghề nghiệp cao về việc đảm bảo an toàn cho khách hàng so với sinh viên thuộc các khối ngành khoa học cơ bản. Tuy nhiên, khi đối chiếu với các chuẩn mực nhân lực du lịch quốc tế, đặc biệt là đối với các nhóm chuyên biệt như hướng dẫn viên leo núi theo nghiên cứu của Muthomi và cộng sự (2022) [8] (với 91,2% kiến thức tốt), năng lực của sinh viên Việt Nam vẫn tồn tại một khoảng cách nhất định. Thực tế này chỉ ra rằng, mặc dù nền tảng kiến thức tổng quát đạt mức tốt, nhưng để đạt đến mức độ chuyên nghiệp hóa (professionalism) trong quản lý an toàn du lịch, chương trình đào tạo trong nước cần tiệm cận sát hơn với các tiêu chuẩn quốc tế. Một phát hiện quan trọng và mang tính mới (novelty) của nghiên cứu này là sự phân hóa sâu sắc giữa năng lực xử trí chấn thương cơ học và kỹ năng hồi sức cấp cứu. Đối với chấn thương cơ học, 90,6% sinh viên nắm vững nguyên tắc cố định xương gãy. Con số này ấn tượng hơn hẳn so với nghiên cứu của Cao Xuân Ngọc [2], nơi chỉ ghi nhận 43,47% sinh viên thực hiện đúng quy trình xử trí tư thế nạn nhân chấn thương cột sống. Kết quả này phản ánh hiệu quả tích cực của công tác truyền thông y tế cộng đồng về tai nạn thương tích tại Việt Nam, góp phần hình thành tư duy đúng đắn về nguyên tắc "bất động thương tổn" nhằm ngăn ngừa các biến chứng thứ phát nghiêm trọng (tổn thương mạch máu, thần kinh, tủy sống) trong quá trình vận chuyển nạn nhân. Trái ngược với điểm sáng nêu trên, kiến thức về Hồi sinh tim phổi (CPR) lại bộc lộ những hạn chế nghiêm trọng. Tỷ lệ 76,9% sinh viên thực hiện sai hoặc thiếu kiến thức về CPR trong nghiên cứu này phản ánh một thách thức mang tính toàn cầu. Nguyên nhân cốt lõi nằm ở bản chất của CPR là một kỹ năng tâm vận động (psychomotor skill) phức tạp, đòi hỏi sự cảm nhận lực cơ học và phản xạ cơ bắp - những yếu tố mà các phương pháp giảng dạy lý thuyết đơn thuần hoặc truyền thông thụ động không thể chuyển tải hiệu quả. Bên cạnh CPR, các tình huống cấp cứu mang tính sinh tồn và đặc thù môi trường (như rấn cắn, co giật) cũng ghi nhận tỷ lệ sai sót rất cao (trên 78% xử trí sai rấn cắn). Điều này tiềm ẩn rủi ro lớn cho cả sinh viên và du khách trong các loại hình du lịch sinh thái hoặc thám hiểm. Đáng chú ý, dữ liệu cho thấy ngay cả những sinh viên đã từng tham gia tập huấn vẫn mắc

sai lầm trong xử trí cơ giật. Thực trạng này gợi ý rằng chất lượng các khóa đào tạo hiện hành có thể chưa đủ chuyên sâu, hoặc thiếu cơ chế đào tạo nhắc lại (refresh training) cần thiết để duy trì phản xạ kỹ năng. Sự bất cập này tương đồng với bối cảnh chung tại các quốc gia đang phát triển được mô tả bởi A. L. Adere (2022) [7], nơi nhận thức về tầm quan trọng của SCCBD ở mức cao nhưng khả năng tiếp cận đào tạo bài bản lại hạn chế. Từ những phân tích trên, nghiên cứu khẳng định việc trang bị kiến thức lý thuyết đơn thuần là chưa đủ. Ngành giáo dục du lịch cần một cuộc chuyển đổi mô hình đào tạo từ định hướng "nhận thức" sang "năng lực thực hiện", thông qua việc áp dụng bắt buộc các mô hình mô phỏng (simulation) và diễn tập tình huống lâm sàng đối với các kỹ năng sinh tử như CPR và xử trí tai nạn do động vật.

2. Nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu của sinh viên khoa Du lịch

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhu cầu đào tạo về sơ, cấp cứu ban đầu (SCCCBD) của sinh viên Khoa Du lịch là rất cao, với 98,4% sinh viên cho rằng cần thiết phải được đào tạo/tập huấn về nội dung này. Mặc dù vậy, chỉ có 29,4% sinh viên từng được học về SCCCBD, cho thấy sự thiếu hụt rõ rệt trong chương trình đào tạo hiện tại. Điều này hoàn toàn dễ hiểu trong bối cảnh đặc thù của ngành Du lịch. Sinh viên Du lịch khi ra trường thường làm việc trong môi trường dịch chuyển, tiếp xúc nhiều với du khách và có thể đối mặt với những tình huống khẩn cấp như chấn thương, đuối nước, dị ứng, hay tai nạn bất ngờ. Trong khi đó, kỹ năng sơ cấp cứu là một trong những yếu tố cần thiết để đảm bảo an toàn cho bản thân và người xung quanh, đồng thời thể hiện sự chuyên nghiệp của người làm du lịch trong mắt khách hàng. Tuy nhiên, quá trình tìm hiểu và tiếp cận với nội dung SCCCBD còn gặp nhiều khó khăn. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng nguyên nhân chính là do sinh viên không biết tìm thông tin từ đâu (50,6%) và thiếu các hoạt động truyền thông (60,3%). Bên cạnh đó, việc thiếu thời gian (87,8%) và không hứng thú (84,4%) cũng là các rào cản lớn khiến sinh viên chưa chủ động tìm hiểu về SCCCBD. Những con số này phản ánh một thực tế đáng quan ngại: sự thiếu vắng của môi trường học tập, truyền thông và định hướng phù hợp từ phía nhà trường. Về nội dung đào tạo mong muốn, phần lớn sinh viên đề xuất nên lồng ghép kiến thức SCCCBD vào các buổi tập huấn tại trường học (85,6%), thông qua quảng bá trực quan như poster, tờ rơi (57,8%) và các kênh truyền thông như mạng xã hội, internet (75,3%). Điều này cho thấy sinh viên có xu hướng tiếp cận thông tin nhanh chóng, trực tiếp, và thông qua các nền tảng quen thuộc. Ngoài ra, hình thức đào tạo được ưa chuộng nhất là các buổi diễn tập thực tế (79,4%), cao hơn hẳn so với các phương pháp lý thuyết truyền thống. Đây là tín hiệu cho thấy sinh viên mong muốn trải nghiệm học tập thực hành, sát với tình huống thực tế, hơn là chỉ tiếp thu lý thuyết. Từ các kết quả này, có thể khẳng định rằng việc tổ chức các chương trình đào tạo/tập huấn về sơ, cấp cứu cho sinh viên Du lịch là cần thiết và cấp bách. Đồng thời, cần có sự đổi mới trong cách

thức truyền thông và giảng dạy, kết hợp giữa các phương pháp trực quan - tương tác - thực hành để tăng tính hiệu quả và khơi gợi hứng thú từ người học.

Do các điều kiện khách quan, nghiên cứu này của chúng tôi còn một số hạn chế như thiết kế cắt ngang nên chưa xác định được mối quan hệ nhân quả; phương pháp chọn mẫu thuận tiện tại một trường đại học có thể làm hạn chế khả năng khái quát của kết quả nghiên cứu. Ngoài ra, dữ liệu tự báo cáo có thể chịu ảnh hưởng của sai số thông tin.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ sinh viên có kiến thức về sơ, cấp cứu ban đầu đạt yêu cầu là 84,7%; tuy nhiên, năng lực xử trí các tình huống nguy cấp như hồi sức tim phổi (HSTP) còn hạn chế (chỉ 23,1% biết phối hợp đúng quy trình). Nghiên cứu cho thấy 98,4% sinh viên Khoa Du lịch có nhu cầu được đào tạo về sơ, cấp cứu ban đầu, nhưng chỉ 29,4% đã từng học nội dung này. Kết quả của nghiên cứu là bằng chứng thuyết phục về sự cần thiết phải có những kế hoạch phù hợp trong đổi mới kế hoạch giảng dạy sơ, cấp cứu ban đầu cho đối tượng sinh viên du lịch nhằm đạt được kết quả như mong muốn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế, Mỗi năm Việt Nam có hơn 1,1 triệu trường hợp mắc tai nạn thương tích. Truy cập ngày 22 tháng 6 năm 2025, từ https://moh.gov.vn/hoat-dong-cua-lanh-dao-bo/-/asset_publisher/TW6LTp1ZtwaN/content/moi-nam-viet-nam-co-hon-1-1-trieu-truong-hop-mac-tai-nan-thuong-tich

Đặng Đức Nhu, Cao Xuân Ngọc và Bùi Đức Giang (2014), Thực trạng và nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu của tân sinh viên đại học Quốc gia Hà Nội năm 2013, Tạp chí Y học dự phòng, Tập XXIV (4(153)), 73.

Hoàng Trung Tiến và cộng sự (2023), “Kiến thức và nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu ban đầu của sinh viên năm nhất Trường Đại học Yersin Đà Lạt năm 2023”, Tạp chí Y học Tham họa và Bông, tập 45 (Số 3), tr.234-414

Mạc Đăng Tuấn (2015), “Kiến thức, thái độ và nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu của sinh viên năm thứ 4 Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn năm 2014”

Nguyễn Thị Khánh Linh và các cộng sự (2019), “Nghiên cứu kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu của sinh viên tại các trường đại học trên thành phố Đà Nẵng”, Tạp chí Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân. 1(32) tr.17-23.

Phạm Thị Thu Hiền và các cộng sự (2021), “Kiến thức, nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu của giáo viên một số trường tiểu học trên địa bàn thành phố Nam Định năm 2021”, Khoa học Điều dưỡng, tập 5(2) tr. 104–114,

A. L. Adere, T. B. Abicho, H. H. Seid, B. S. Workneh, and E. G. Mekonen (2022), “Determinants of knowledge and attitude toward first aid among final year students at technical and vocational schools in Addis Ababa, Ethiopia,” *SAGE Open Med.*, (10), pg. 1–9.

N. Muthomi, L.-J. Wachira and W.S. Ooko (2022), “Training and certification in first responder care among mountaineering practitioners in East Africa”, *African Journal of Emergency Medicine*, 12(2), pg. 129–134.

KNOWLEDGE AND TRAINING NEEDS OF BASIC FIRST AID AMONG TOURISM STUDENTS AT THANG LONG UNIVERSITY IN 2025

Abstract: Vietnam’s tourism industry is expanding rapidly, accompanied by increasing challenges related to visitor safety. Tour guides are often the first individuals to arrive at accident scenes; therefore, competence in basic first aid (BFA) is critically important. To describe the knowledge and training needs regarding basic first aid among students of the Faculty of Tourism, Thang Long University, in 2025. A cross-sectional descriptive study was conducted among 320 full-time students from March 2025 to July 2025. The proportion of students who had adequate knowledge of basic first aid was 84.7%; however, knowledge of essential survival skills—such as cardiopulmonary resuscitation (CPR) was only 23.1%. Most students demonstrated a positive attitude (92.2%). Training demand was very high (98.4%), yet only 29.4% had previously participated in any first-aid training. Although students exhibit substantial demand for training, their advanced practical skills remain limited. Enhanced practical instruction and real-world simulation exercises are urgently needed.

Keywords: Basic first aid, tourism students, knowledge, training needs.